

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST

Ngày 02-12-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt.

2. Bà Bùi Thị Kiều Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **CHEN, TE-S** - Sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số X, đường TTTK, cụm Y, phường TP, khu TP, thành phố Tân Bắc, Đài Loan.

*** Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị D** - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã AT, huyện QP, tỉnh Thái Bình.

(Ông Chen, Te-S, bà D có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn xin ly hôn; Bản tự khai; Đơn xin vắng mặt; Nguyên đơn - ông Chen, Te-S trình bày:** Ông và bà Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 11/7/2019. Sau khi kết hôn ông về nước Đài Loan, vợ chồng không chung sống cùng nhau, do khoảng cách địa lý xa xôi, ông với bà D ít liên lạc, quan tâm đến nhau và sống ly thân từ năm 2019 đến nay, nhận thấy tính cách thay đổi, tình cảm

vợ chồng đã phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, Việt Nam giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị D.

Ông và bà Nguyễn Thị D không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, ông không thể sang Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án, ông có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị D nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi sang Đài Loan cho ông.

** Tại Bản tự khai; Đơn xin vắng mặt; Bị đơn - bà Nguyễn Thị D trình bày:* Bà và ông Chen, Te-S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 11/7/2019. Sau khi kết hôn ông Chen, Te-S về Đài Loan, vợ chồng không chung sống cùng nhau, do khoảng cách địa lý xa xôi, bà với ông Chen, Te-S đã sống ly thân từ năm 2019 và không liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay ông Chen, Te-S xin ly hôn, bà đồng ý.

Bà và ông Chen, Te-S không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc, bà không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, bà có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:** Ông Chen, Te-S, bà Nguyễn Thị D có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Chen, Te-S và bà Nguyễn Thị D kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 11/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm, liên lạc với nhau. Nay ông Chen, Te-S xin ly hôn, bà D đồng ý, thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ông Chen, Te-S được ly hôn bà Nguyễn Thị D là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung và tài sản, nợ chung: Ông Chen, Te-S và bà Nguyễn Thị D không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Chen, Te-S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Chen, Te-S được ly hôn bà Nguyễn Thị D.

2. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Chen, Te-S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng ông Chen, Te-S nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005508 ngày 24/10/2022 (do bà Nguyễn Thị D nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt ông Chen, Te-S, bà Nguyễn Thị D; ông Chen, Te-S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, bà D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND h. Quỳnh Phụ, t. Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thị Phương Thảo